

平成 29 年 7 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	37.1 t	7.69	14.7 cm	24.1 °C	
放流水量	36.8 t	8.04	50.0 cm	24.1 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	287 KWH	3,295 KWH	5.97 t	
日平均使用量	9.3 KWH	106.3 KWH	0.19 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣	小計	
月計	7台: 2.28t	19台: 18.78t	39台: 19.28t	12台: 33.85t	2台: 3.46t		月計	79台: 77.65 t
前月累計	19台: 9.47t	142台: 155.61t	158台: 49.61t	31台: 87.10t	7台: 13.33t		前月累計	357台: 315.12 t
年度計	26台: 11.75t	161台: 174.39t	197台: 68.89t	43台: 120.95t	9台: 16.79t		年度計	436台: 392.77 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.40 t	79台: 78.05 t
前月累計	0.94 t	357台: 316.06 t
年度計	1.34 t	436台: 394.11 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	21台	194 m ³
前月累計	78台	788 m ³
年度計	99台	982 m ³

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	4.09 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	86.09 t	90台	スケール分散剤	40.00 kg
5	119.38 t	139台	凝集剤 パック	50.00 kg
6	110.59 t	128台	凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
7	78.05 t	79台	固形塩素剤	2.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	3.00 m ³
			脱水ケーキ量	0.40 t
計	394.11 t	436台	脱水機運転時間	3:30 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1		°C	°C	°C
2		°C	°C	°C
3	曇	19 °C	25 °C	16 °C
4	曇	20 °C	24 °C	17 °C
5	晴	22 °C	25 °C	16 °C
6	晴	25 °C	29 °C	17 °C
7	晴	22 °C	32 °C	17 °C
8		°C	°C	°C
9		°C	°C	°C
10	晴	29 °C	32 °C	17 °C
11	晴/雨	27 °C	28 °C	21 °C
12	晴	24 °C	29 °C	19 °C
13	晴	29 °C	31 °C	19 °C
14	晴	28 °C	30 °C	20 °C
15		°C	°C	°C
16		°C	°C	°C
17		°C	°C	°C
18	曇	18 °C	22 °C	16 °C
19	曇	22 °C	23 °C	16 °C
20	曇	19 °C	24 °C	16 °C
21	晴/曇	24 °C	29 °C	18 °C
22		°C	°C	°C
23		°C	°C	°C
24	晴	24 °C	28 °C	18 °C
25	晴	25 °C	28 °C	17 °C
26	晴	25 °C	26 °C	15 °C
27	晴/曇	25 °C	28 °C	16 °C
28	曇/雨	20 °C	23 °C	17 °C
29		°C	°C	°C
30		°C	°C	°C
31	曇/雨	21 °C	22 °C	17 °C